TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-PT
Ngày 18 - 9 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc di dời tài sản trên đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng;

Các Thẩm phán: Bà Chu Lệ Hường;

Ông Lộc Sơn Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018, về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/ 2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2018 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vi Văn V (tên gọi khác Vy Văn V), địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vi Văn V*: Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn G, địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn G:Ông Hoàng Văn L- Luật sư cộng tác viên* trợ giúp pháp lý của trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện C: Ông Nguyễn Thế T, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017), vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

- *Người đại diện theo pháp luật* ông Hoàng Văn V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với nguyên đơn:*

1. Bà Chu Thị H, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Anh Vi Văn Đ; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Anh Vi Văn H, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Vi Văn H1; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5. Anh Vi Văn T; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Chị Vi Thị B; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Anh Vi Văn K; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

8. Chị Vi Thị D, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

9. Anh Vi Văn H2; địa chỉ: Số 2A, xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Trung D, địa chỉ: Tổ 1, khối 8, ngõ 2, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Chu Thị H, và các anh Vi Văn Đ, Vi Văn H, Vi Văn H1, Vy Văn T, Vi Thị B, Vi văn K, chị Vi Thị D*: Ông Vi Văn V (theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn:*

1. Anh Hoàng Văn P, địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Hoàng Văn Đ, địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Chị Mã Thị N, địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quancó yêu cầu độc lập tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà Lương Thị S (vợ ông Hoàng Văn C), địa chỉ : Thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lý Văn T, địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bà Tô Thị D, địa chỉ:Thôn K, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Ông Vi Văn N, địa chỉ Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị E, địa chỉ Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc: Ông Hứa Văn Đ, địa chỉ: Thôn N1, xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn G, là bị đơn, anh Hoàng Văn P người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Vi Văn V và ông Vi Văn G tranh chấp 16.921,1m^2 diện tích đất rừng tại địa danh V, thôn N, xã T, huyện C (theo kết quả xE xét thẩm định tại chỗ ngày 22/01/2018 và thẩm định bổ sung ngày 08/5/2018) thuộc một phần diện tích 2,94ha, số hiệu 260 tiểu khu 283 trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng của hộ ông Vy Văn V bản đồ giao đất giao rừng năm 1996. Theo bản đồ địa chính đất lâm N xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008 diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 729 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm N (viết tắt thửa đất số 729).

Hình thể thửa đất theo mảnh trích đo địa chính số 01-2018, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh như sau:

Theo bản đồ địa chính đất lâm N xã T:

- Phía Bắc giáp diện tích còn lại của thửa đất số 729;

- Phía Tây giáp đất thuộc xã T1, ranh giới là đường địa giới hành chính giữa xã T và xã T1;

- Phía Đông giáp diện tích còn lại của thửa đất số 729;

- Phía Nam giáp suối N;

Theo hiện trạng thực tế tiếp giáp các chủ sử dụng đất:

- Phía Bắc giáp rừng của ông Vi Văn T1, Vi Văn T2;

- Phía Nam giáp suối N;

- Phía Tây giáp đất bà Hoàng Thị E và bà Lương Thị S vợ ông Hoàng Văn C.

- Phía Đông (theo ý kiến của ông G)giáp rừng ông Hoàng Văn G

- Phía Đông (theo ý kiến ông Vi Văn V) giáp rừng ông Hoàng Văn C vợ là bà Lương Thị S.

Theo Hồ sơ giao đất giao rừng:

- Phía Bắc giáp thửa 261, 262, 263, 264;

- Phía Nam giáp suối N;

- Phía Đông giáp thửa 256;

- Phía Tây giáp đất T1;

Tài sản có trên đất gồm: 139 cây thông cao từ 1,5 m đến 40cm, 02 cây thông đường kính 50cm, 18 cây thông đường kính 15 – 20cm; 09 cây quýt, 10 cây vối đường kính 15-33cm, các đương sự đều xác định 139 cây thông nhỏ là do chị Mã Thị N (con dâu ông G trồng), 20 cây thông to, 10 cây vối là do tự mọc và các đương sự đều cho rằng mình có quá trình quản lý, chăm sóc.

Kết quả định giá: 139 cây thông cao từ 1,5 m đến 40cm trị giá 16.000 đồng/cây = 2.224.000đồng.

Theo ông Vi Văn V nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của ông cha ông đã quản lý từ năm 1975, năm 1985 bố ông đã trồng một số cây quýt trên đất đến nay vẫn còn sống 9 cây. Năm 1997 ông được Nhà nước giao đất giao rừng theo quyết định số 472/QĐ/UB ngày 20/12/1997. Từ khi được giao rừng ông chưa có tác động gì vào rừng nhưng ông vẫn quản lý rừng việc quản lý rừng của ông có ông Vi Văn N là chủ sử dụng đất liền kề biết. Năm 2011 ông đi phát ranh giới thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông Hoàng Văn C và bà Lương Thị S, việc tranh chấp đã được hai thôn hòa giải năm 2011 tuy không thành nhưng từ đó hai bên cũng không xảy ra tranh chấp nữa. Ngày 16/7/2016 ông Hoàng Văn G tiến hành chặt phá các cây trên diện tích đất nêu trên. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất, đối với số cây do chị Mã Thị N trồng ông sẽ thanh toán theo giá trị Hội đồng định giá đã định.

Về phía bị đơn ông Hoàng Văn G cho rằng diện tích đất tranh chấp nêu trên gia đình ông đã khoanh nuôi quản lý từ trước năm 1975, gia đình ông làm ruộng ngay dưới chân đồi gần suối N. Năm 1986 khi đi làm ruộng ông còn nhổ một số cây quýt con và bảo con trai là Hoàng Văn P đi trồng, đến thời điểm này số quýt còn sống 5 cây, đã cho thu hoạch hơn 10 năm nay, hàng năm gia đình ông vẫn đi thu hoạch quýt, 4 cây còn lại do gia đình bà Lương Thị S trồng. Ông quản lý rừng bằng hình thức hàng năm tu bổ chặt các cây cong, giữ lại cây thẳng và không cho ai chặt cây trên đất, một số người dân trong thôn hoặc gần thôn ông khi muốn hái củi hay chặt củi ở khu rừng V đều đến hỏi gia đình ông đồng ý họ mới dám chặt. Cụ thể các ông Lý Văn T, bà Tô Thị D là những người đã từng được đến xin gia đình ông chặt củi trên khu rừng trên, và bà Hoàng Thị E là

người có rừng liền kề (giáp phía tây) đất tranh chấp từ những năm trước năm 1990 khi vợ ông còn sống bà E đi hái củi hai bà cũng tự chấp nhận ranh giới rừng của bà E và rừng của gia đình ông để các bên tự hái không hái sang rừng của nhau. Năm 1996 ông đi Miền Nam nên việc quản lý rừng V là do con trai ông là Hoàng Văn P tiếp tục quản lý trông nom.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn P đồng ý với ý kiến ông G đã trình bày, ngoài ra anh còn cho rằng sau khi bố anh đi Miền Nam anh là người quản lý khu rừng trên, hàng năm có người chặt củi ở rừng này họ biết gia đình anh quản lý nên đến xin anh cho chặt củi, anh cho thì họ mới dám chặt. Bản thân anh cũng đi hái củi ở khu rừng đó gặp ông V, nhưng cũng không thấy ông V nói gì. Những năm trước đó anh cũng đã nhiều lần đến UBND xã T báo cáo về việc gia đình anh là người cư trú tại xã T1 nhưng có quản lý và sử dụng diện tích rừng V thuộc xã T, nếu khi nào Nhà nước triển khai việc kê khai đất rừng đề nghị UBND xã T thông báo cho gia đình anh. Nhưng thời điểm đó bí thư xã (ông này hiện nay đã chết) có bảo với anh "gia đình đang quản lý cứ quản lý, không lo đâu bao giờ có kê khai sẽ báo", cũng từ đó anh yên tâm quản lý ổn định cho mãi đến năm 2016 thì xảy ra tranh chấp, ông V bảo đã được giao sổ xanh thì anh mới biết.

UBND huyện C, xác định việc giao đất giao rừng cho ông Vi Văn V năm 1997 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai thời điểm đó.

Về phía UBND xã T khẳng định diện tích đất tranh chấp đã được Nhà nước giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1997. UBND xã không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DT-ST ngày 25-5-2018, Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 17; khoản 2,5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoarn1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí lệ phí Tòa án.

1. Công nhận ông Vi Văn V được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất 16.921,1m^2 thuộc một phần diện tích của tiểu khu 283, số hiệu khoảnh 260, lô số 8 địa danh V, Thôn N, xã T, huyện C tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định 472/UB-QĐ ngày 20/12/1997 của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn và có quyền sở hữu toàn bộ cây trên diện tích đất nêu trên.

Các phía tiếp giáp theo bản trích đo địa chính số 01-2018 ngày 31/01/2018.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vi Văn V tự nguyện bồi thường cho chị Mã Thị N giá trị 139 cây thông với số tiền 2.224.000đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn G, anh Hoàng Văn P, anh Hoàng Văn Đ về việc hủy 16.921,1m^2 diện tích đất tranh chấp trong Quyết định số 472/UB-QĐ ngày 20/12/1997 của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã giao cho ông Vi Văn V tại tiểu khu 283, số hiệu khoảnh 260, lô số 8 địa danh V, thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 06/6/2018, ông Hoàng Văn G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho gia đình ông được quyền quản lý, sử dụng 16.921,1m^2 đất đang tranh chấp và được sở hữu toàn bộ số cây thông, 02 cây nhãn, 10 cây vối, 05 cây quýt và các cây tạp có trên diện tích đất trên, đề nghị hủy Quyết định số 472/UB-QĐ ngày 20/12/1997 của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao đất, giao rừng cho Ông Vi Văn V đối với diện tích đất nêu trên. Lý do gia đình ông đã quản lý từ năm 1975 cho đến nay, vào năm 1992 con của ông V là Vi Văn Đ và Vi văn K đến khu rừng này chặt cây và làm ụ rơm, ông phát hiện còn đuổi đến tận nhà và ông được nói với ông Vi Văn C là bố của ông V về việc con ông V vào rừng V chặt cây, ông Vi Văn C xin lỗi và nói từ nay không cho các cháu vào chặt nữa.

Ngày 06/6/2018, anh Hoàng Văn P kháng cáo nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm lý do gia đình anh quản lý từ năm 1975, ông V nói quản lý từ năm 1975 nhưng không biết trên đất tranh chấp có các loại cây gì, kết quả xem xét, thẩm định các loại cây có trên đất phù hợp với lời khai của anh, về người làm chứng do ông Vi Văn V đưa ra là ông Vi Văn N thì anh được biết ông Vi Văn N không biết chữ và anh được ông N cho biết không được viết đơn làm chứng mà do ông V viết, ông N không có mặt ở Tòa án lần nào nhưng Tòa án lại lấy ông N ra làm chứng để giải quyết cho ông V, và khi xem xét thẩm định thì đất ông V không giáp với đất ông N mà còn cách một diện tích đất nữa khoảng 20 mét mới đến đất ông N và diện tích này gia đình anh đang quản lý, sử dụng. Anh đề nghị hủy Quyết định số 472/UB-QĐ ngày 20/12/1997 của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao đất, giao rừng cho ông Vi Văn V đối với diện tích đất đang tranh chấp nêu trên, và giải quyết cho gia đình anh được quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và sở hữu tài sản có trên đất. Đối với số cây quýt có trên đất anh thừa nhận còn 5 cây gia đình anh trồng, 4 cây còn lại là do bà S trồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn G và anh Hoàng Văn P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa ông Vi Văn V cũng thừa nhận kể từ khi được Nhà nước giao đất giao rừng đến nay ông chưa có tác động gì vào khu rừng V, đối với 09 cây quýt còn tồn tại trên đất ông chỉ được được bố ông khi còn sống có nói lại do bố ông trồng năm 1985. Trong sổ bìa xanh ông Vi Văn N là chủ sử dụng đất liền kề nhưng khi đi xem xét tại chỗ thì diện tích liền kề đã do bà Lương Thị S quản lý sử dụng, vì năm 2011 xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình bà Lương

Thị S, ông thỏa thuận để cho bà S dược quản lý diện tích đất nêu trên và từ đó giữa bà và gia đình ông không xảy ra tranh chấp nữa. Ông cũng thừa nhận lời người làm chứng của ông Vi Văn N ông nộp tại Tòa án sơ thẩm là do ông viết và cho ông Vi Văn N ký.

Bà Lương Thị S tại phiên tòa xác định trên diện tích đất tranh chấp bà có 4 cây quýt do bà trồng, ngoài ra còn có 05 cây quýt do gia đình ông Hoàng Văn G trồng, hàng năm hai nhà tự mình thu hoạch quýt đối với cây quýt do mình trồng, theo bà thời điểm bà trồng quýt bà được hỏi gia đình ông G để trồng chứ không phải gia đình ông V. Diện tích đất tranh chấp này gia đình bà cũng quản lý từ trước năm 1986 hiện nay bà còn một số cây thông đã trồng và đã được khai thác nhựa thông ở diện tích liền kề gần với nhà ông Vi Văn N. Tòa án nhân dân huyện C đưa bà vào tham gia vụ án với tư cách người làm chứng nên bà không tham gia, sau khi xét xử sơ thẩm thấy số cây quýt, cây nhãn và các cây vối do bà quản lý từ trước đều được giao cho ông Vi Văn V bà không đồng ý nên đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho bà được sở hữu tài sản có trên đất gồm có 4 cây quýt và 2 cây nhãn, 10 cây vối và sử dụng diện tích hiện có các cây trên đất.

Anh Vi Văn Đ (con trai ông Vi Văn V) thừa nhận năm 1992 khi đi chặt cây ở rừng V bị ông Hoàng Văn G đuổi đến tận nhà và có thấy ông G nói chuyện với ông nội anh, nhưng nội dung như thế nào anh không biết.

Tại phiên tòa bà Tô Thị D, bà Hoàng Thị E, ông Lý Văn T là người làm chứng cho ông Hoàng Văn G vẫn giữ nguyên lời khai như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay vẫn khẳng định người quản lý, sử dụng rừng V là gia đình ông Hoàng Văn G.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn G: Đất tranh chấp ông Hoàng Văn G quản lý ổn định từ năm 1975, khi giao đất giao rừng cho ông Vi Văn V UBND xã T không thông báo cho gia đình ông G nên ông G không biết kê khai. Tòa án cấp sơ thẩn thu thập chứng cứ chưa đầy đủ trong đơn khởi kiện ông V cho rằng giáp ranh ông Vi Văn N nhưng thực tế chủ sử dụng liền kề không phải ông Vi Văn N. Theo đơn khởi kiện của ông V và két quả bản trích đo thì lô số 8 của ông V trong sổ bìa xanh không xác định được diện tích, phạm vi của khoảnh 260 diện tích thực tế đến đâu? Về tài sản trên đất lời khai ông V có nhiều mâu thuẫn ngay đơn khởi kiện và hòa giải tại thôn ông không biết có quýt trên đất tranh chấp, nhưng sau khi có kết quả xem xét thẩm định và hòa giải tại Tòa án ông G nói có quýt thì ông V lại nói có quýt. Tại phiên tòa hôm nay bà Lương Thị S yêu cầu sở hữu 02 cây nhãn, 4 cây quýt, 10 cây vối do bà trồng và quản lý diện tích đất có cây trên đất. Nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện đã đề nghị làm rõ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Về người làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm không có mặt, đơn ông N do ông Vi Văn V viết cho ông N ký nhưng án sơ thẩm lại căn cứ lời làm chứng của ông N xác định ông V là người có quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là vi phạm tố

tụng. Diện tích cụ thể của ông V được giao tại lô số 8, khoảnh 260 phạm vi, diện tích đến đâu chưa được thu thập làm rõ nên đề nghị hủy án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn G và anh Hoàng Văn P không có căn cứ. Quá trình quản lý ông V thừa nhận không quản lý nhưng năm 2007, 2010 ông và bà Lương Thị S xảy ra tranh chấp. Các nhân chứng phía ông G cũng không khẳng định thời gian gia đình ông G trồng cây trên đất. Yêu cầu hủy quyết định giao đất giao rừng không có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Diện tích tranh chấp 16.921,1m^2 thuộc môt phần diện tích đất ông Vi Văn V được giao đất rừng, theo kết quả trích đo diện tích tranh chấp là một phần diện tích thửa 729, diện tích 55.489m^2 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm N xã T năm 2008, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang do UBND xã T quản lý. Về quá trình quản lý sử dụng năm 2011 giữa ông V và gia đình bà Lương Thị S xảy ra tranh chấp, nhưng việc hòa giải không thành. Ông V không khởi kiện nên chưa xác định được đất tranh chấp giữa ông V và bà S ở vị trí nào, diện tích? Có thuộc diện tích đất ông V đang tranh chấp với ông G không? Đồng thời bản án sơ thẩm chỉ căn cứ lời làm chứng của ông Vi Văn N được thể hiện tại bút lục 171 trong hồ sơ mà không tiến hành lấy lời khai người làm chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định ông V là người có quá trình quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là chưa có cơ sở. Kết quả xem xét thẩm định đất tranh chấp thuộc tiểu khu 283 số khoảnh 260 lô 8 trong Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng của ông Vi Văn V, nhưng kết quả trích đo là một phần diện tích thửa 729, diện tích 55.489m^2 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm N xã T. Theo hồ sơ và theo thực tế các hộ sử dụng về ranh giới, các phía tiếp giáp có sự khác nhau chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Bản án sơ thẩm quyết định ông Vi Văn V được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp theo Quyết định 472/UB-QĐ ngày 20/12/1997 là không phù hợp với kết quả trích đo, gây khó khăn cho công tác thi hành án. Về tài sản trên đất các đương sự khai về việc trồng cây trên đất còn nhiều mâu thuẫn, tại phiên tòa sơ thẩm ông G khai có 4 cây quýt do bà S trồng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà cho rằng trên đất tranh chấp có 06 cây quýt, 02 cây nhãn do bà trồng bà yêu cầu được sở hữu cây và sử dụng diện tích đất có cây trên đất. Nội dung này cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết. Chị Mã Thị N yêu cầu được quản lý sử dụng 139 cây thông do chị trồng trên đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu của chị ghi nhận sự tự nguyện của ông V thanh toán giá trị cây cho chị Nhon là vượt quá phạm vi khởi kiện. Cấp sơ thẩm không giải thích cho đương sự là anh Hoàng Văn P, chị Mã Thị N quyền được trợ giúp pháp lý ảnh hưởng đến quyền lợi của chị. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản

3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2018 ngày 25/5/2018 của TAND huyện C chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện C xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm mở ngày 26/4/2018 tại phiên tòa ông Hoàng Văn G xác nhận trên diện tích đất tranh chấp ngoài số quýt gia đình ông trồng còn có 04 cây do gia đình ông Hoàng Văn C (chồng bà Hoàng Thị S) trồng và trên đất còn có 139 cây thông do chị Mã Thị N trồng năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm tạm ngừng phiên tòa tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xem xét thẩm định tại chỗ, trong trường hợp này việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của chị Mã Thị N nên tòa án cấp sơ thẩm đưa chị Mã Thị N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với gia đình ông Hoàng Văn C (vợ là bà Lương Thị S) là người có tài sản trên đất tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, để xác định rõ ai là người trồng 4 cây quýt, và bà có yêu cầu cụ thể về phần tài sản trên đất hay không mà lại xác định ông Hoàng Văn C (vợ là bà Lương Thị S) là người làm chứng là xác định không đúng tư cách người tham gia tố tụng, khi giải quyết bản án sơ thẩm đã giải quyết cho ông Vy Văn V được sở hữu phần tài sản có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hoàng Văn C và bà Lương Thị S. Sau khi xét xử sơ thẩm tại cấp phúc thẩm bà Lương Thị S đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được sở hữu 04 cây quýt, 02 cây nhãn, 10 cây vối hiện có trên đất tranh chấp và sử dụng diện tích đất có các cây nêu trên. Nội dung này tại cấp sơ thẩm bà Lương Thị S chưa yêu cầu và cấp sơ thẩm cũng chưa giải quyết, đây là yêu cầu mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Vì vậy yêu cầu hủy án sơ thẩm của người bảo vệ quyền và lợi ích của ông Hoàng Văn G và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở.

[3] Việc lấy lời khai và thủ tục lấy lời khai của người làm chứng: Ông Vi Văn N được ông Vy Văn V yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định ông Vi Văn N là người làm chứng, tại phiên tòa sơ thẩm ông Vi Văn N vắng mặt, tại phiên tòa phúc thẩm ông Vi Văn V thừa nhận lời chứng trong đơn ông Vi Văn N là do ông viết và cho ông Vi Văn N ký tên. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định ông Vi Văn N không phải chủ sử dụng đất liền kề với diện tích đất đang tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của ông Vi Văn N, nhưng lại căn cứ lời chứng trong đơn ông Vi Văn N do ông Vi Văn V viết làm chứng cứ để xác định ông Vi Văn V có quá trình quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 99 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Vì vậy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn G và của Kiểm sát viên về nội dung này là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Văn G và bà Lương Thị S đều thừa nhận số cây quýt trên đất có 05 cây do gia đình ông G trồng, 04 cây do gia

đình bà S trồng, khi bà trồng quýt có được hỏi ông Hoàng Văn G và khi cây được thu hoạch thì gia đình bà Lương Thị S và ông Hoàng Văn G tự thu hoạch quả trên cây do mình trồng. Ông Vi Văn V cũng thừa nhận ông không có quá trình quản lý sau khi được giao. Trong quá trình giải quyết các tranh chấp giữa ông Vi Văn V và bà Lương Thị S tại biên bản hòa giải ngày 04/6/2011 bà S cũng cho rằng đã quản lý một phần diện tích đất rừng V từ năm 1987 gia đình bà đã trồng thông trên đất, phần diện tích tranh chấp giữa ông Vi Văn V và bà Lương Thị S chưa được xác định rõ có nằm trong vị trí đang tranh chấp giữa ông Vi Văn V và ông Hoàng Văn G không, thuộc vị trí nào trên kết quả trích đo địa chính. Kết quả trích đo ngày 26/01/2018 do Trung tâm Công Nghệ thông tin tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, xác định được diện tích đất tranh chấp giữa ông Vi Văn V và ông Hoàng Văn G là 16921,1m^2 thuộc thửa đất 729 tờ số 01 bản đồ địa chính đất lâm N xã T, thuộc một phần của tiểu khu 283 số hiệu khoảnh 260 nhưng trên bản trích đo không thể hiện bằng hình ảnh cụ thể ranh giới, phạm vi khoảnh 260, tiểu khu 283 lô số 8 diện tích 2,94 ha trong Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng của hộ ông Vi Văn V (chồng ghép diện tích khoảnh 260, tiểu khu 283 lô số 8 diện tích 2,94 ha bản đồ giao đất giao rừng năm 1997 và diện tích tranh chấp trên nền thửa đất 729 bản đồ địa chính đất lâm N xã T) để có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp thuộc khoảnh 260, lô số 8, tiểu khu 283 và có cơ sở xác định các chủ sử dụng đất thực tế liền kề. Để có căn cứ xác định ông Vi Văn V có thuộc đối tượng được giao đất Lâm N theo quy định tại tiểu mục 7.6 mục 7 Thông tư 06- LN/KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm N hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 về giao đất Lâm N.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên ông Hoàng Văn G và anh Hoàng Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DT-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn và chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm dân sự và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn G và anh Hoàng Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (18/9/2018).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hồng